

Số: 421/QĐ-ĐHTL

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khảo sát sinh viên tốt nghiệp về
tình hình việc làm và thu nhập, chương trình đào tạo,
cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên tại Trường Đại học Thủy lợi**

Căn cứ Nghị quyết số 19/NĐ-HĐT4 ngày 04/01/2022 của Hội đồng trường Đại học Thủy lợi về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chuẩn giáo dục cơ sở đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-ĐHTL ngày 04/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi về việc Ban hành quy định về công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan tại trường Đại học Thủy lợi;

Theo đề nghị của Trường phòng Chính trị & Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên tại Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Lưu VT, CT&CTSV. (PT.10)



GS.TS. Nguyễn Trung Việt

Quy định khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập
Chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên
tại Trường Đại học Thủy lợi
(Kèm theo Quyết định số 471/QĐ-ĐHTL ngày 20 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

1. Thu thập ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập, Chương trình đào tạo, Cơ sở vật chất, Đội ngũ giảng viên và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên;
2. Giúp lãnh đạo Khoa/Trung tâm có thêm cơ sở đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo, Cơ sở vật chất, Đội ngũ giảng viên, tình hình việc làm và thu nhập dưới góc nhìn của người học đã tham gia thị trường lao động và các Khoa/Trung tâm nắm thông tin nhằm hỗ trợ giới thiệu việc làm cho các em chưa có việc làm;
3. Giúp lãnh đạo Khoa/Trung tâm từng bước điều chỉnh, cải tiến công tác tổ chức đào tạo, cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ sinh viên hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo; Có đủ thông tin phản hồi phục vụ cho công tác tự đánh giá theo yêu cầu Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Làm cơ sở để xây dựng và phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của các cơ sở đào tạo, phục vụ công tác kiểm định chất lượng, thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Điều 2: Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Sinh viên tốt nghiệp: Văn bằng thứ nhất tại trường Trường Đại học Thủy lợi.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp: Thông tin việc làm, mức thu nhập, Chương trình đào tạo, Cơ sở vật chất, Đội ngũ giảng viên.
 - b) Khảo sát sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm và sau 3 năm: Thông tin việc làm và mức thu nhập.

Điều 3: Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo tính khoa học, khách quan và trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.
2. Đảm bảo yêu cầu bảo mật thông tin trong việc thực hiện khảo sát và lưu trữ dữ liệu.
3. Đảm bảo tính trung thực, không được thực hiện các hành vi can thiệp, gây áp lực, sửa chữa, làm sai lệch thông tin, số liệu, kết quả khảo sát.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

1. Sinh viên tốt nghiệp: là sinh viên chính quy, tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học. Sinh viên trước tốt nghiệp, tốt nghiệp sau 01 năm, tốt nghiệp sau 03 năm.
2. Công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp là cập nhật về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp và phân tích đánh giá các nội dung liên quan đến việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

CHƯƠNG II. THỰC HIỆN KHẢO SÁT

Điều 5: Tổ chức khảo sát:

1. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên lập danh sách sinh viên tốt nghiệp, tạo và gửi đường dẫn khảo sát trực tuyến (Đối với Cơ sở Hà Nội).
2. Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên lập danh sách sinh viên tốt nghiệp, tạo và gửi đường dẫn khảo sát trực tuyến (Đối với Cơ sở Phân hiệu).
3. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phân quyền Các khoa, Trung tâm (Đối với Cơ sở Hà Nội) Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên (Đối với Phân hiệu) chủ động lấy danh sách sinh viên đã tham gia khảo sát. Các khoa, Trung Tâm, Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên rà soát, kiểm tra và đảm bảo trên 80% sinh viên có tên trong danh sách sinh viên tốt nghiệp được thực hiện khảo sát (tính theo ngành đào tạo). Nếu không đạt tỷ lệ phản hồi tối thiểu theo quy định thì báo cáo của Cơ sở đào tạo là không đạt yêu cầu.

Điều 6: Nhiệm vụ các khoa, Trung tâm, Phân hiệu

Sau khi kết thúc đợt khảo sát sinh viên tốt nghiệp: các khoa, Trung tâm (Gửi về Phòng Chính trị và Công tác sinh viên), Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên phân tích số liệu và hoàn thiện các mẫu biên bản.

Điều 7: Nhiệm vụ các Phòng

1. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổng hợp số liệu khảo sát từ các khoa, trung tâm; Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên tổng hợp số liệu khảo sát.
2. Phòng Chính trị và CTSV báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát trình Ban Giám hiệu phê duyệt (Đối với Cơ sở Hà Nội); Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát trình Ban Giám đốc phê duyệt (Đối với Phân hiệu).

Điều 8: Kế hoạch thực hiện

1. Lập kế hoạch khảo sát:
 - a) Thời gian thực hiện: 01 tuần
 - b) Đơn vị thực hiện: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên.
2. Phê duyệt kế hoạch khảo sát: Thời gian thực hiện: 01 tuần
3. Tổ chức khảo sát

a) Thời gian thực hiện:

- Đối với sinh viên trước tốt nghiệp: 01 tuần (Mẫu câu hỏi Phụ lục 1; Mẫu báo cáo việc làm sinh viên tốt nghiệp Phụ lục 3; Mẫu báo cáo Chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất Phụ lục 4)

- Đối với sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm và 3 năm: 2 tháng (Mẫu câu hỏi Phụ lục 2; Mẫu báo cáo việc làm sinh viên tốt nghiệp Phụ lục 3)

b) Đơn vị thực hiện: Khoa, Trung tâm, Phân hiệu

4. Tổng hợp dữ liệu, xử lý, thống kê dữ liệu

a) Thời gian thực hiện: 01 tháng

b) Đơn vị thực hiện: Khoa, Trung tâm, Phòng truyền thông và Công tác sinh viên

5. Báo cáo số liệu

a) Thời gian thực hiện: 01 tháng

b) Đơn vị thực hiện: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên.

6. Duyệt báo cáo kết quả khảo sát: Thời gian thực hiện: 01 tuần

7. Công bố Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát

a) Thời gian thực hiện: 01 tuần

b) Đơn vị thực hiện: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9: Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh góp ý sửa đổi, bổ sung các đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Chính trị và Công tác sinh viên (bằng văn bản) để phòng tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định./.

PHỤ LỤC 1

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP

Kính gửi: Quý Anh/Chị Cựu sinh viên của trường Đại học Thủy Lợi

Nhằm giúp cho Nhà trường có được thông tin đầy đủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường về tình hình việc làm, mức lương, Chương trình đào tạo, Đội ngũ giáo viên, Cơ sở vật chất, quản lý phục vụ đào tạo. Trường Đại học Thủy lợi xin gửi tới Quý anh/chị Phiếu điều tra khảo sát và lấy ý kiến sinh viên sau khi tốt nghiệp. Những câu trả lời và góp ý khách quan của anh/chị là kênh thông tin không thể thiếu để trường Đại học Thủy lợi có thêm cơ sở đánh giá điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: Giới tính:

Số điện thoại: Email:

CCCD:

Địa chỉ liên hệ:

Mã sinh viên: Lớp khi tốt nghiệp:

Khoa: Ngành đào tạo:

Khóa học: Hệ:

Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc ☐

Giỏi: ☐

Khá ☐

Trung bình Khá: ☐

Trung bình: ☐

Khả năng sử dụng Ngoại ngữ hiện nay:

Rất thành thạo: ☐

Thành thạo: ☐

Tương đối thành thạo: ☐

Không thành thạo: ☐

Không sử dụng được: ☐

Khả năng sử dụng tin học văn phòng hiện nay:

Rất thành thạo: ☐

Thành thạo: ☐

Tương đối thành thạo: ☐

Không thành thạo: ☐

Không sử dụng được: ☐

II. THÔNG TIN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Câu 1: Anh/chị đang công tác hoặc học tập tại đơn vị nào? (Vui lòng ghi cụ thể tên đơn vị tuyển dụng hoặc đơn vị học tập). Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

VD: Công ty TNHH Song Long

Câu 2. Anh/chị ghi rõ nơi làm việc (Tỉnh, Thành phố; VD: TP Hà Nội, Tỉnh Ninh Bình...) Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

.....

Câu 3: Đơn vị công tác có trụ sở:

Thành phố Trung Ương: ☐ Thành phố thuộc Tỉnh: ☐
Thuộc Xã, địa phương: ☐ Tại Nước ngoài: ☐

Câu 4: Hoàn cảnh công việc hiện tại của anh/chị?

Làm việc trong đơn vị, tổ chức doanh nghiệp nhà nước ☐

Làm việc trong đơn vị tổ chức doanh nghiệp tư nhân ☐

Làm trong các tổ chức nước ngoài ☐

Tự thành lập công ty ☐

Câu 5. Anh/chị cho biết hình thức tuyển dụng vào đơn vị công tác:

Thi tuyển ☐ Xét tuyển ☐ Hợp đồng ☐ Biệt phái ☐
Điều động ☐ Đang tiếp tục học ☐ Chưa có việc làm ☐

Câu 6: Anh/ chị cho biết thời gian đơn vị tuyển dụng hoặc học tập (Anh/ chị vui lòng ghi theo cú pháp ngày, tháng, năm: VD: 15/8/2023). Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

.....

Câu 7: Lý do xin được công việc hiện tại:

Thông qua quan hệ bạn bè và người thân: ☐

Thông qua trung tâm dịch vụ việc làm: ☐

Có sự hỗ trợ từ nhà trường: ☐

Lý do khác: ☐

Câu 8: Anh/chị hài lòng với công việc hiện tại?

Hoàn toàn không hài lòng: ☐ Không hài lòng: ☐

Tương đối hài lòng: ☐ Hài lòng: ☐

Rất hài lòng: ☐

Câu 9: Lĩnh vực công tác phù hợp với ngành đào tạo như thế nào?

Có việc làm đúng ngành đào tạo ☐

Có việc làm liên quan đến ngành đào tạo ☐

Có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo ☐

Đang tiếp tục học ☐ Chưa có việc làm ☐

Câu 10. Mức lương khởi điểm? (Anh/chị vui lòng nhập số tiền được hưởng/tháng. VD: 10.500.000đ). Nếu đang đi học và chưa có việc làm khai: 0 đồng

.....
Câu 11. Mức thu nhập hiện tại? Thu nhập bình quân hàng tháng từ việc làm gồm: Lương, thưởng, phụ cấp:

Dưới 5 triệu đồng ☐ Từ 5 triệu đến dưới 8 triệu đồng ☐

Từ 8 triệu đến dưới 10 triệu đồng ☐ Từ 10 triệu đến 15 triệu đồng ☐

Trên 15 triệu đồng ☐

Câu 12. Khối lượng kiến thức mà anh/chị được học trong nhà trường đáp ứng cho vị trí việc làm hiện tại?

Từ 80% trở lên ☐ Từ 50% đến dưới 80% ☐

Từ 30% đến dưới 50% ☐ Dưới 30% ☐

Câu 13. Anh/Chị cho biết:

Trong lĩnh vực công tác của Anh/chị, khối kiến thức nào các bạn sinh viên đang học cần nắm vững nhất để có thể làm việc tốt sau khi ra trường như: Lý luận chính trị, Kỹ năng, Khoa học tự nhiên và tin học, Tiếng Anh, Cơ sở khối ngành, Cơ sở ngành, Kiến thức tự chọn.

.....
Câu 14. Anh/Chị cho biết trong lĩnh vực công tác, đâu là những kỹ năng quan trọng nhất như: Thuyết trình, làm việc nhóm, tin học, ngoại ngữ...

.....

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Mức độ 1: Hoàn toàn không hài lòng, Mức độ 2: Không hài lòng, Mức độ 3: Tương đối hài lòng; Mức độ 4: Hài lòng; Mức độ 5: Rất hài lòng)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	Mục tiêu ngành học rõ ràng, phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện nay					
2	Cấu trúc chương trình linh động, thuận lợi cho người học lựa chọn					
3	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và thương xuyên cập nhật					
4	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
5	Phân bố các môn chuyên ngành phù hợp theo từng năm học					
6	Số lượng các môn tự chọn trong chuyên ngành phù hợp					
7	Tính liên kết giữa các môn học chuyên ngành được đảm bảo					
8	Kiến thức chuyên môn phù hợp với công việc					

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

(Mức độ 1: Hoàn toàn không hài lòng, Mức độ 2: Không hài lòng, Mức độ 3: Tương đối hài lòng; Mức độ 4: Hài lòng; Mức độ 5: Rất hài lòng)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	Đội ngũ giảng viên nắm vững kiến thức chuyên môn sâu rộng phù hợp với tình hình thực tế					
2	Đội ngũ giảng viên nhiều kinh nghiệm thực tế, có phương pháp sư phạm tốt					

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
3	Đội ngũ giảng viên hướng dẫn sinh viên nhiệt tình, ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế					
4	Phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút sinh viên					
5	Đội ngũ giảng viên đảm bảo kế hoạch giảng dạy và đảm bảo thời gian lên lớp					
6	Giảng viên khảo sát ý kiến người học					

V. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Mức độ 1: Hoàn toàn không hài lòng, Mức độ 2: Không hài lòng, Mức độ 3: Trung đối hài lòng; Mức độ 4: Hài lòng; Mức độ 5: Rất hài lòng)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	Phòng học rộng, thoáng mát với hệ thống điều hòa hiện đại					
2	Tài liệu tham khảo phong phú đa dạng					
3	Thư viện với nhiều đầu sách phong phú, nơi tự học rất tốt					
4	Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đảm bảo chất lượng					
5	Thiết bị thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của môn học					

**PHỤ LỤC 2: PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN
SAU KHI TỐT NGHIỆP 1 NĂM VÀ 3 NĂM**

Kính gửi: Quý Anh/Chị Cựu sinh viên của trường Đại học Thủy Lợi

Nhằm giúp cho Nhà trường có được thông tin đầy đủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường về tình hình việc làm, mức thu nhập, Chương trình đào tạo. Trường Đại học Thủy lợi xin gửi tới Quý anh/chị Phiếu điều tra khảo sát và lấy ý kiến sinh viên sau khi tốt nghiệp. Những câu trả lời và góp ý khách quan của anh/chị là kênh thông tin không thể thiếu để trường Đại học Thủy lợi có thêm cơ sở đánh giá điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: Giới tính:

Số điện thoại: Email:

CCCD:

Địa chỉ liên hệ:

Mã sinh viên: Lớp khi tốt nghiệp:

Khoa: Ngành đào tạo:

Khóa học: Hệ:

Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc ☐

Giỏi: ☐

Khá ☐

Trung bình Khá: ☐

Trung bình: ☐

Khả năng sử dụng Ngoại ngữ hiện nay:

Rất thành thạo: ☐

Thành thạo: ☐

Tương đối thành thạo: ☐

Không thành thạo: ☐

Không sử dụng được: ☐

Khả năng sử dụng tin học văn phòng hiện nay:

Rất thành thạo: ☐

Thành thạo: ☐

Tương đối thành thạo: ☐

Không thành thạo: ☐

Không sử dụng được: ☐

II. THÔNG TIN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Câu 1: Anh/chị đang công tác hoặc học tập tại đơn vị nào? (Vui lòng ghi cụ thể tên đơn vị tuyển dụng hoặc đơn vị học tập). Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

VD: Công ty TNHH Song Long:

Câu 2: Chức vụ hiện tại của Anh/chị tại cơ quan:

1. Ban Giám đốc: ☐ 2. Trưởng/phó phòng: ☐ 3. Nhân viên: ☐

Câu 3: Anh/chị ghi rõ nơi làm việc (Tỉnh, Thành phố; VD: TP Hà Nội, Tỉnh Ninh Bình...) Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

.....
Câu 4. Khoảng thời gian Anh/chị tìm được việc làm đầu tiên kể từ sau khi tốt nghiệp

Có việc làm trước khi tốt nghiệp ☐

Trong vòng 6 tháng ☐

Sau 6 tháng ☐

Sau 01 năm ☐

Đang tiếp tục học ☐

Chưa có việc làm ☐

5. Anh/chị cho biết hình thức tuyển dụng vào đơn vị công tác:

Thi tuyển ☐ Xét tuyển ☐ Hợp đồng ☐ Biệt phái ☐

Điều động ☐ Đang tiếp tục học ☐ Chưa có việc làm ☐

Câu 6: Đơn vị công tác có trụ sở:

Thành phố Trung Ương: ☐

Thành phố thuộc Tỉnh: ☐

Thuộc Xã, địa phương: ☐

Tại Nước ngoài: ☐

Câu 7: Hoàn cảnh công việc hiện tại của anh/chị?

Làm việc trong đơn vị, tổ chức doanh nghiệp nhà nước ☐

Làm việc trong đơn vị tổ chức doanh nghiệp tư nhân ☐

Làm trong các tổ chức nước ngoài ☐

Tự thành lập công ty ☐

Câu 8. Anh/ chị cho biết thời gian đơn vị tuyển dụng hoặc học tập (Anh/ chị vui lòng ghi theo cú pháp ngày, tháng, năm: VD: 15/8/2023). Nếu chưa đi làm thì Anh/chị khai Chưa có việc làm, nếu đang đi học anh/chị khai Tiếp tục học:

.....
Câu 9. Lý do xin được công việc hiện tại:

Thông qua quan hệ bạn bè và người thân ☐ Thông qua trung tâm dịch vụ việc làm ☐

Có sự hỗ trợ từ nhà trường ☐ Lý do khác ☐

Câu 10. Anh/chị hài lòng với công việc hiện tại?

Hoàn toàn không hài lòng ☐ Không hài lòng: ☐

Tương đối hài lòng ☐ Hài lòng ☐ Rất hài lòng ☐

Câu 11. Lĩnh vực công tác phù hợp với ngành đào tạo như thế nào?

Có việc làm đúng ngành đào tạo ☐

Có việc làm liên quan đến ngành đào tạo ☐

Có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo ☐

Đang tiếp tục học ☐

Chưa có việc làm ☐

Câu 12. Khối lượng kiến thức mà anh/chị được học trong nhà trường đáp ứng cho vị trí việc làm hiện tại:

Từ 80% trở lên ☐

Từ 50% đến dưới 80% ☐

Từ 30% đến dưới 50% ☐

Dưới 30% ☐

Câu 13. Mức lương khởi điểm? (Anh/chị vui lòng nhập số tiền được hưởng/tháng. VD: 10.500.000đ). Nếu đang đi học và chưa có việc làm khai: 0 đồng

.....
Câu 14. Mức thu nhập hiện tại? Thu nhập bình quân hàng tháng từ việc làm gồm: Lương, thưởng, phụ cấp:

Dưới 5 triệu đồng ☐

Từ 5 triệu đến dưới 8 triệu đồng ☐

Từ 8 triệu đến dưới 10 triệu đồng ☐

Từ 10 triệu đến 15 triệu đồng ☐

Trên 15 triệu đồng ☐

Câu 15. Anh/Chị cho biết:

Trong lĩnh vực công tác của Anh/chị, khối kiến thức nào các bạn sinh viên đang học cần nắm vững nhất để có thể làm việc tốt sau khi ra trường như: Lý luận chính trị, Kỹ năng, Khoa học tự nhiên và tin học, Tiếng Anh, Cơ sở khối ngành, Cơ sở ngành, Kiến thức tự chọn.

.....
.....
.....
Câu 16. Anh/Chị cho biết trong lĩnh vực công tác, đâu là những kỹ năng quan trọng nhất như: Thuyết trình, làm việc nhóm, tin học, ngoại ngữ...

.....
.....
.....
Câu 17. Ý kiến khác

.....
Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị!

PHỤ LỤC 3: BÁO CÁO KHẢO SÁT VIỆC LÀM SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 về việc Ban hành chuẩn giáo dục cơ sở đào tạo. Thực hiện kế hoạch hàng năm của Trường Đại học Thủy lợi về việc triển khai khảo sát tỷ lệ việc làm của sinh viên tốt nghiệp và đánh giá các hoạt động của Nhà trường. Khoa báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp như sau:

I. KHẢO SÁT ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP (Học kỳ, 1 năm, 3 năm)

1. Đánh giá chung sinh viên có việc làm

Biểu mẫu 1: Tình hình việc làm của sinh viên

Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm (số lượng)					Số lượng sinh viên có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi (%)	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)
					Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (6)+(7) + (8)+(9)	(12) = (11)/(4)	(13) = (11)/(2)
Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	%	%

Biểu mẫu 2: Tình hình Cựu sinh viên có việc làm phân theo khu vực làm việc

Tên ngành đào tạo	Số lượng sinh viên có việc làm	Khu vực việc làm							
		Nhà nước		Tư nhân		Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
(1)	(2) = (6,7,8) biểu 1	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(5)/(2)	(7)	(8)=(7)/(2)	(9)	(10)=(9)/(2)

Biểu mẫu 3: Tình hình việc làm của các cựu sinh viên theo địa phương

Tên ngành đào tạo	Số lượng sinh viên có việc làm	Địa phương nơi công tác							
		Thành phố Trung ương		Đơn vị thuộc tỉnh		Đơn vị thuộc Xã		Tại nước ngoài	
		Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
(1)	(2) = (6,7,8) biểu 1	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Biểu mẫu 4: Thu nhập của Cựu sinh viên tốt nghiệp

Tên ngành đào tạo	Số lượng sinh viên có việc làm	Mức thu nhập trung bình hàng tháng									
		Dưới 5 triệu đồng		Từ 5 triệu đến 8 triệu đồng		Từ 8 triệu đến 10 triệu đồng		Từ 10 triệu đến 15 triệu đồng		Trên 15 triệu đồng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
(1)	(2) = (6, 7, 8) biểu 1	(3)	(4)= (3)/(2)	(5)	(6)= (5)/(2)	(7)	(8)= (7)/(2)	(9)	(10)= (9)/(2)	(11)	(12)= (11)/(2)

Biểu mẫu 5: Đối sánh tỷ lệ việc làm

1. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các ngành đào tạo khác trong trường, trong khoa

STT	Tên ngành đào tạo trong trường/khoa	Chỉ số 1 (Đúng ngành đào tạo)		Chỉ số 2 (Liên quan đến ngành đào tạo)		Chỉ số 3 (Không liên quan đến ngành đào tạo)		Chỉ số 4 (Tiếp tục học)		Chỉ số 5 (Chưa có việc làm)	
		Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Ngành A										
2	Ngành B										

Phân tích kết quả:

2. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các trường khác trong nước và quốc tế cùng chương trình đào tạo (nếu có)

TT	Trường đại học	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Đúng ngành đào tạo)		Chỉ số 2 (Liên quan đến ngành đào tạo)		Chỉ số 3 (Không liên quan đến ngành đào tạo)		Chỉ số 4 (Tiếp tục học)		Chỉ số 5 (Chưa có việc làm)	
			Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Trường A	Ngành A										
2	Trường B	Ngành B										

Phân tích kết quả:

Biểu mẫu 6: Đối sánh tỷ lệ về tình hình khu vực việc làm

1. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các ngành đào tạo khác trong trường, trong khoa

STT	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Nhà nước)		Chỉ số 2 (Tư nhân)		Chỉ số 3 (Tự tạo việc làm)		Chỉ số 4 (Yếu tố nước ngoài)	
		Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Ngành A								
2	Ngành B								

Phân tích kết quả:

2. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các trường khác trong nước và quốc tế cùng chương trình đào tạo (nếu có).

STT	Trường đại học	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Nhà nước)		Chỉ số 2 (Tư nhân)		Chỉ số 3 (Tự tạo việc làm)		Chỉ số 4 (Yếu tố nước ngoài)	
			Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Trường A	Ngành A								
2	Trường B	Ngành B								

Phân tích kết quả:

.....

Biểu mẫu 7: Đối sánh tỷ lệ về tình hình việc làm theo địa phương

1. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các ngành đào tạo khác trong trường, trong khoa

STT	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Thành phố, Trung ương)		Chỉ số 2 (Đơn vị thuộc Tỉnh)		Chỉ số 3 (Đơn vị thuộc Xã)		Chỉ số 4 (Tại nước ngoài)	
		Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Ngành A								
2	Ngành B								

Phân tích kết quả:

.....

2. Đối sánh các Chương trình Đào tạo với các trường khác trong nước và quốc tế cùng chương trình đào tạo (nếu có).

STT	Trường đại học	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Thành phố, Trung ương)		Chỉ số 2 (Đơn vị thuộc Tỉnh)		Chỉ số 3 (Đơn vị thuộc Xã)		Chỉ số 4 (Tại nước ngoài)	
			Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Trường A	Ngành A								
	Trường B	Ngành B								

Phân tích kết quả:

.....

II. Ý kiến xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường

.....
.....
...

III. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp

.....
.....

C. KẾT LUẬN

.....
.....

Lãnh đạo Khoa/Trung tâm

**PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO KHẢO SÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, CƠ SỞ VẬT CHẤT**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Khảo sát về Chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 về việc Ban hành chuẩn giáo dục cơ sở đào tạo. Thực hiện kế hoạch hàng năm của Trường Đại học Thủy lợi về việc triển khai khảo sát tỷ lệ việc làm của sinh viên tốt nghiệp và đánh giá các hoạt động của Nhà trường. Khoa báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp như sau:

I. KHẢO SÁT ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỌC KỲ..... NĂM HỌC.....

1. Đánh giá về Chương trình đào tạo

STT	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Chương trình đào tạo có chất lượng tốt, ngành học rõ ràng, phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện nay)		Chỉ số 2 (Cấu trúc chương trình linh động, thuận lợi cho người học lựa chọn)		Chỉ số 3 (Nội dung giảng dạy các môn cơ bản có khối lượng phù hợp)		Chỉ số 4 (Nội dung giảng dạy các môn chuyên ngành có khối lượng phù hợp)		Chỉ số 5 (Phân bố các môn chuyên ngành phù hợp theo từng năm học)		Chỉ số 6 (Số lượng các môn tự chọn trong chuyên ngành phù hợp)		Chỉ số 7 (Tính liên kết giữa các môn học chuyên ngành được đảm bảo)		Chỉ số 8 (Kiến thức chuyên môn phù hợp với công việc)	
		SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
1																	
2																	

Nhận xét:

2. Đánh giá về Đội ngũ giảng viên

STT	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Đội ngũ giảng viên nắm vững kiến thức chuyên môn sâu rộng phù hợp với tình hình thực tế)		Chỉ số 2 (Đội ngũ giảng viên nhiều kinh nghiệm thực tế, có phương pháp sư phạm tốt)		Chỉ số 3 (Đội ngũ giảng viên hướng dẫn sinh viên nhiệt tình, ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế)		Chỉ số 4 (Phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút sinh viên)		Chỉ số 5 (Đội ngũ giảng viên đảm bảo kế hoạch giảng dạy và đảm bảo thời gian lên lớp)		Chỉ số 6 (Sinh viên được đối xử công bằng, đúng mực trong giờ học và trong đánh giá kết quả học tập)	
		SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
1													
2													

Nhận xét:

3. Đánh giá về Cơ sở vật chất

STT	Tên ngành đào tạo	Chỉ số 1 (Phòng học rộng, thoáng mát với hệ thống điều hòa hiện đại)		Chỉ số 2 (Tài liệu tham khảo phong phú đa dạng)		Chỉ số 3 (Thư viện với nhiều đầu sách phong phú, nơi tự học rất tốt)		Chỉ số 4 (Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đảm bảo chất lượng)		Chỉ số 5 (Thiết bị thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của môn học)	
		SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
1											
2											

Nhận xét:

4. Kết luận:

.....

.....

.....

.....

Lãnh đạo Khoa/Trung tâm

TRƯỜNG